TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 9 - 2024
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Quách Đình Hoằng
2. Ông Nguyễn Bá Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhớ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Thái Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 355/2024/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 về "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 65/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Kim N, sinh năm: 1972;
Địa chỉ: P, tổ E KĐT Đ, Đ, huyện G, thành phố Hà Nội. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Đặng Thế Đ, sinh năm: 1967;
Địa chỉ: 217 Duy T, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 6 năm 2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Vũ Kim N trình bày:

Chị và anh Đặng Thế Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 05/4/2021. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng vợ chồng chị không hàn gắn được, đã sống ly thân. Hiện nay không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau, vợ chồng không còn yêu thương,

quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc nên không thể kéo dài cuộc sống chung với nhau được, do vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Thế Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đặng Thế Đ mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, Tòa án thông báo đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, nên đã không trình bày được quan điểm của anh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Kim N được ly hôn với anh Đặng Thế Đ, về con chung: chị N và anh Đ không có con chung; về tài sản chung và nợ chung: chị N không yêu cầu nên không giải quyết. Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Vũ Kim N yêu cầu ly với anh Đặng Thế Đ, địa chỉ: 217 Duy T, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về "Ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

[2] Nguyên đơn chị N vắng mặt tại phiên toà và có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N và anh Đ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Đ tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 05/4/2021 theo đúng quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn hôn nhân theo chị N trình bày sau khi kết hôn thì giữa chị và anh Đ đã bất đồng quan điểm,

thường xuyên cải vã, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng vợ chồng vẫn mâu thuẫn gay gắt, đã sống ly thân, chị sinh sống tại Thành phố Hà Nội và anh Đ về sinh sống tại tỉnh Gia Lai. Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh chị cư trú thì chị N và anh Đ không yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải nên chính quyền địa phương không biết mâu thuẫn của vợ chồng anh chị. Bị đơn anh Đ mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến để tham gia hòa giải, phiên tòa nhưng anh Đ không đến, thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng với chị N. Hội đồng xét xử xét thấy chị N và anh Đ đã không còn chung sống với nhau, không ai quan tâm lo lắng, chăm sóc cho nhau, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh Đ như vậy là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về việc nuôi con: Chị N và anh Đ không có con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Kim N.

Về hôn nhân: Chị Vũ Kim N ly hôn với anh Đặng Thế Đ.

2. *Về án phí*: Chị Vũ Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001803 ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku. Chị Vũ Kim N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- UBND phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thu